

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

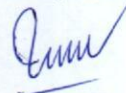
Môn học : [22833101] - Hệ thống sản xuất linh
hoạt (FMS) (CCQ2215A)

CBGD: Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)

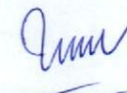
Số SV có mặt:.....14.....

Số bài thi:14.....

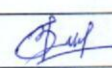
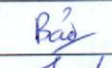
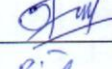
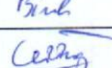
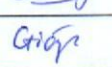
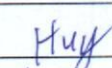
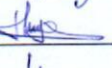
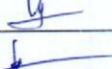
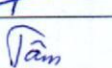
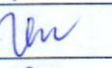
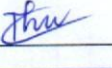
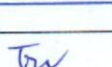
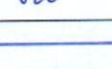
Số tờ giấy thi:.....14.....


nntuyên


Đỗ phạm


nntuyên


Đỗ phạm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn	Bằng	29/09/2004	CCQ2215A			7.6	6.0	6.6
2	2122150013	Nguyễn Quốc	Bảo	29/05/2004	CCQ2215A			7.0	7.5	7.3
3	2122150040	Huỳnh Duy	Bình	08/10/2004	CCQ2215A			8.1	8.0	8.0
4	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C			8.0	7.0	7.4
5	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C			6.7	6.0	6.3
6	2122150034	Nguyễn Xuân	Giáp	16/12/2004	CCQ2215A			8.3	8.3	8.3
7	2122150018	Đình Văn	Huy	27/02/2004	CCQ2215A			8.2	7.8	8.0
8	2122150043	Giả Tấn	Huyền	17/06/2004	CCQ2215A			8.5	9.0	8.8
9	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh	Lý	12/04/2004	CCQ2215A			8.3	8.0	8.1
10	2122150004	Phan Văn	Lý	26/06/2004	CCQ2215A			7.7	7.5	7.6
11	2122150007	Nguyễn Minh	Tâm	27/10/2004	CCQ2215B			8.0	7.8	7.9
12	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D			8.2	8.3	8.3
13	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D			8.5	9.0	8.8
14	2121150021	Nguyễn Kim	Tiến	15/09/2003	CCQ2115A					
15	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D			8.5	8.5	8.5
16	2121150064	Nguyễn Đình	Tú	09/09/2002	CCQ2115B					